TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2026/DS-ST
Ngày: 12-01-2026
"V/v tranh chấp HĐ mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Phước Tỷ
2. Ông Nguyễn Hoàng Hổ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Huyền Giao – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2025/QĐXXST-TA, ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Hữu H, sinh năm 1964 – Chủ hộ kinh doanh Trịnh Hữu H.
Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang. (có mặt)

Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A cử: ông Huỳnh Ngọc T1 – trợ giúp viên pháp lý – Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phạm Văn T.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trịnh Hữu H có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:

Từ năm 2016 cho đến nay, ông Phạm Văn T có đến cơ sở kinh doanh của ông Trịnh Hữu H mua thức ăn tôm nhiều lần, hìn h thức mua thiếu, đến khi hết vụ tôm, thu hoạch tôm thì ông T trả tiền (vụ tôm thẻ thì 03 tháng /vụ, còn tôm Càng thì 06 tháng / vụ) Ông T có trả cho ông H từng đợt nhưng không trả dứt điểm. Tính đến ngày 20/7/2025 ông T còn nợ ông H số tiền 26.414.000 đồng. Ông H yêu cầu chính quyền ấp hòa giải nhiều lần, ông T thừa nhận nợ, nhưng không trả nợ.

Nay ông H yêu cầu: Toà án buộc ông Phạm Văn T trả cho ông H số tiền: 26.414.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại Biên bản hòa giải ngày 05/12/2025 bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Ông T có mua thức ăn tôm của ông Trịnh Hữu H từ năm 2016 với số tiền 200 triệu đồng, ông T đã trả gần hết, chỉ còn thiếu lại ông H số tiền 26.414.000 đồng. Hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông T không có tiền trả cho ông H, ông T hứa sẽ làm từ từ trả nợ, bằng cách mỗi năm trả 2.000.000 đồng cho đến khi đủ 26.414.000 đồng là dứt nợ.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Trần Hữu H1 khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T trả tiền thiếu khi mua thức ăn, thuốc thủy sản số tiền gốc: 26.414.000 đồng. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Tại phiên hòa giải ngày 05/12/2025 cũng như tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn ông Trịnh Hữu H và bị đơn ông Phạm Văn T đã thống nhất, ông T có mua thức ăn tôm của ông H tính đến ngày 20/7/2025 còn nợ lại ông H số tiền là 26.414.000 đồng, do đó ông T phải có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 26.414.000 đồng là đúng theo quy định định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 tại phiên tòa ông T xin trả mỗi năm 3.000.000 đồng, cho đến khi dứt nợ, nhưng ông H không đồng ý.

Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ T3 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: "*Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành"*. Do đó, yêu cầu của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa Trợ giúp viên đề nghị: Các đương sự đã thống nhất số nợ, chỉ chưa thống nhất được phương pháp thanh toán nợ. Nguyên đơn ông H yêu cầu trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, bị đơn xin trả mỗi năm 3.000.000 đồng. Hoàn cảnh gia đình bị đơn quá khó khăn thuộc diện hộ nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên đương sự đã thống nhất số nợ, theo quy định phải thực hiện nghĩa vụ khi bản án có hiệu lực pháp luật, còn có trả dần hay không các đương sự sẽ được thỏa thuận thi hành án, theo Luật thi hành án dân sự quy định, ở giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T là hộ nghèo được M án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Trịnh Hữu H không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm ứng số tiền 660.000 đồng theo phiếu thu số 0005071 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cho ông Trịnh Hữu H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điều 430; 440; 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

-Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Hữu H về việc, tiền mua bán thức ăn, thuốc thủy sản.

Buộc Ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho ông Trịnh Hữu H – Chủ hộ kinh doanh Trịnh Hữu H số tiền: 26.414.000 đồng. (Hai mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành nguyên đơn, có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn, không chấp hành thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền

chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015. tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T là hộ nghèo được Miễn án phí. Ông Trịnh Hữu H không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm ứng số tiền 660.000 đồng theo phiếu thu số 0005071 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cho ông Trịnh Hữu H.

Báo cho các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh AG;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6;*
- *Thi hành án DS tỉnh A;*
- *Phòng THA dân sự Khu vực 6*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án nhân dân tỉnh AG;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6;*
- *Thi hành án DS tỉnh A;*
- *Phòng THA dân sự Khu vực 6*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Phượng H2, Trần Văn Tám Nguyễn Tấn L

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án nhân dân tỉnh AG;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6;*
- *Thi hành án DS tỉnh A;*
- *Phòng THA dân sự Khu vực 6*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn T2 , Nguyễn Hoàng Hổ Nguyễn Tấn L1

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;

- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;

- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hs.

Nguyễn Tấn Lợi